

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 97/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/10/2019

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình “Xin ly hôn, về nuôi
con chung ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:** Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thái

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa . Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 318/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2019 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 58/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa;

1.*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2.*Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp Kinh T, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh Đ trước khi cưới có tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, đến ngày 20/8/2013 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, vợ chồng hạnh phúc được khoảng vài tháng thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh Đ không lo chí thú làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc, không tin tưởng nhau, đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, anh Đ tự ý bỏ nhà đi không chịu về, chị và anh Đ sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì, nên chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung tên Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày 11/5/2011 và Huỳnh Gia H, sinh ngày 28/9/2012 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng với bà Trần Thị S (mẹ ruột anh Đ).

Kể từ khi lấy nhau thì vợ chồng Đ về quê của T sống rồi sinh con, cho đến năm 2015 Đ chở về nhà bà sinh sống rồi đi làm thuê ở Bình Dương, bà nghe nói vợ chồng thường xuyên cãi nhau rồi ly thân từ đó cho đến nay. Theo bà thì giữa T và Đ con bà sống ly thân lâu như vậy thì việc đoàn tụ sống chung là rất khó, nay T xin ly hôn với con bà thì tự chị T và anh Đ quyết định bà không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh Đ trước khi cưới có tìm hiểu và không tổ chức đám cưới mà chung sống với nhau vào năm 2010 nhưng anh chị có đăng ký kết hôn cho nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn với nhau không thể hòa giải được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người đó sống nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ thủ tục cho anh Đ nhưng anh Đ cũng không có ý kiến về việc chị T xin được nuôi 02 con. Mặt khác, theo bản tự khai các con của chị T cũng có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn thì các cháu xin được ở với mẹ. Tại phiên tòa chị T cũng xác định kinh tế của chị thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 40.000.000 đồng trở lên. Xét thấy điều kiện kinh tế của chị T đảm bảo cho việc nuôi con, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án , kết quả hỏi tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, về nuôi con chung” giữa chị và anh Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh Đ đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh Đ không làm bản tự khai, cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh Đ không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Văn Đ.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Huỳnh Văn Đ trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và chung sống với nhau vào năm 2010 và đến ngày 20/8/2013 anh chị đi đăng ký kết hôn tại xã B, huyện Giồng Riềng nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, anh Đ không lo làm ăn. Đã nhiều lần gia đình hai bên can thiệp hòa giải, vợ chồng tự hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, anh chị sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, anh Đ trở về nhà ở xã B, huyện Giồng Riềng sinh sống, giữa chị và anh Đ không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người đó sống. Nay chị T thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Đ. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

{2.2} Về con chung : Vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày 11/5/2011 và Huỳnh Gia H, sinh ngày 28/9/2012 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho anh Đ nhưng anh Đ không thể hiện ý kiến về việc chị T xin được nuôi con chung của anh chị. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị T và anh Đ sống ly thân cho đến nay, các cháu H và H sống với chị T, chị vẫn chăm sóc cho cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, anh Đ không tới lui thăm nom chăm sóc con mà để mặc chị T nuôi con. Tại bản tự khai đề ngày 22/7/2019 của cháu H và cháu H có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn thì các cháu xin được ở với mẹ. Mặt khác, xét về khả năng kinh tế tại phiên tòa hôm nay chị T xác định có thu nhập ổn định từ việc làm nghề uốn tóc và làm móng thu nhập trung bình từ 40.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận và nghị án thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu H và H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung: Không có.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 6399 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đy.

2. Về con chung: Xử giao Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày 11/5/2011 và Huỳnh Gia H, sinh ngày 28/9/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị Tn không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí mà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 6399 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Chị T và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị T được tính kể ngày tuyên án (ngày 24/10/2019). Anh Đ được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đường sự;
- UBND xã
- L- u HS, VP.

Nguyễn Thị Chuyên